TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST Ngày: 30/5/2025	
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Huy Điệu**.

2. Bà **Phạm Thị Thuyến.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Linh**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà*: Bà **Phạm Thị Yến**- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992; (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

ĐKHKTT: Khu 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện tại: Khu 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989; (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

ĐKHKTT: Khu 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại 2, Trại giam Hoàng Tiến, Cục C10- Bộ Công an; Địa chỉ: xã C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn chị Phạm Thị H *trình bày*: Chị và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ

ban nhân dân (UBND) thị trấn N, huyện N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/10/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng với gia đình anh H1 ở Khu 3, thị trấn N, huyện N, ngay sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H1 chơi bời, thường xuyên ngao du với các đối tượng nghiện hút, nhiều lần đi chơi qua đêm không về. Chị có khuyên bảo anh H1 thì anh H1 đánh chửi chị, tình trạng mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trở lên trầm trọng. Đến năm 2021, anh H1 vi phạm pháp luật và bị xử phạt 03 năm 08 tháng tù về tội "Môi giới mại dâm", hiện đang chấp hành án tại Phân trại 2, Trại giam Hoàng Tiến, Cục C10- Bộ Công an. Việc anh H1 phạm tội làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín gia đình mà còn khiến chị và con chịu nhiều áp lực từ xã hội. Bản thân chị phải một mình lo kinh tế, nuôi dạy con và đối mặt với nhiều khó khăn về mặt tinh thần và vật chất. Cùng thời điểm anh H1 bị bắt tạm giam chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống tại Thị trấn G, huyện G. Thời gian đầu anh H1 đi chấp hành án chị có đi thăm gặp anh H1 nhưng sau đó do không còn tình cảm nên chị không đi thăm gặp anh H1 nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể cải thiện được nên khởi kiện xin ly hôn anh H1.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H1 có 01 con chung là Nguyễn Hải V, sinh ngày 20/3/2020. Hiện nay, con chung đang ở cùng chị. Do con chung đang còn nhỏ, là con gái rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên chị đề nghị giao con chung là Nguyễn Hải V cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng cho con.

Chị hiện đang làm phiên dịch thời vụ cho người nước ngoài, bình quân thu nhập hàng tháng là 15 triệu đồng. Ngoài ra, chị được bố mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở cũng như hỗ trợ chị trong việc chăm sóc cháu V nên chị hoàn toàn đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản tự khai, quá trình làm việc bị đơn anh Nguyễn Văn H1 *trình bày*: Về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, ly thân như chị H trình bày. Anh cũng xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh vi phạm pháp luật, bị Tòa án xử phạt tù hiện đang chấp hành án tại Hoàng Tiến, trong thời gian chấp hành án đến nay anh và chị H không sống cùng nhau. Thời gian đầu chấp hành án thì chị H

có đến thăm gặp anh cho đến tháng 7/2024 chị H không thăm gặp anh nữa. Chị H ly hôn thì anh nhất trí ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh xác định anh và chị H có 01 con chung như chị H trình bày là đúng. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung là Nguyễn Hải V, sinh ngày 20/3/2020 cho anh nuôi dưỡng. Do anh đang chấp hành án tại Trại giam H3 nên đề nghị Tòa án giao con cho bố, mẹ anh nuôi dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị H2 (mẹ đẻ của chị Phạm Thị H) trình bày: Chị H, anh H1 sau thời gian tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là chị H thường xuyên bị anh H1 mắng chửi, đánh đập. Đến năm 2021, anh H1 vi phạm pháp luật, bị Tòa án xử tù và đi chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến thì chị H về nhà bà ở cho đến nay. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị H, anh H1 có 01 con chung Nguyễn Hải V, sinh ngày 20/3/2020 hiện đang ở cùng chị H và ông, bà và được chị H và ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định do nhà cửa ông bà rộng rãi, thoải mái, thời gian chị H đi làm ông, bà ở nhà hỗ trợ chị H đưa cháu đi học và chăm sóc cháu. Do con chung còn nhỏ là con gái rất cần được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với phát triển giới tính. Bản thân chị H đang đi làm thời vụ cho người nước ngoài lương tháng 15 triệu đồng có đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Bà cam kết hỗ trợ chị H về chỗ ở, đưa đón cháu V đi học và chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V với điều kiện tốt nhất.

Tại phiên tòa: Chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H1; giao con chung là Nguyễn Hải V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng cho con.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh H1 xác định nhất trí ly hôn với chị H; Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung là Nguyễn Hải V cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh đang chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến không có điều kiện nuôi con đề nghị Tòa án giao con cho bố mẹ đẻ anh nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn H1; Xử giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hải V, sinh ngày 20/3/2020 cho đến khi đủ 18 tuổi (thành niên); Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị H về việc không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng cho con; Anh Nguyễn Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Phạm Thị H là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn H1 là bị đơn; ĐKHKTT: Khu 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Hiện đang chấp hành án tại Phân trại 2, Trại giam Hoàng Tiến, Cục C10- Bộ Công an; Địa chỉ: xã C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang. Chị Phạm Thị H nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập anh H1 đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên toà song anh hiện đang chấp hành án tại Phân trại 2, trại giam Hoàng Tiến, Cục C10- Bộ Công an, anh đề nghị vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa. Chị H đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về nội dung*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện được Uỷ ban nhân dân (UBND) thị trấn N, huyện N nơi sinh sống của anh H1 tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày

24/10/2019, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cả chị H và anh H1 đều trình bày là do anh H1 vi phạm pháp luật và bị xử phạt 03 năm 08 tháng tù về tội "Môi giới mại dâm", hiện đang chấp hành án tại Phân trại 2, trại giam Hoàng Tiến, Cục C10- Bộ Công an nên vợ chồng không gặp, không quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn theo lời trình bày của chị H, anh H1 thể hiện anh chị không còn hoà hợp được với nhau nữa, tình cảm vợ chồng thực tế đã chấm dứt từ lâu. Mặt khác, lời khai của bà Phạm Thị H2 (mẹ đẻ chị H) cũng xác định mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị H, anh H1 trình bày. Như vậy, tình cảm vợ chồng đã thực sự tan vỡ, không thể đoàn tụ chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh H1 là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với pháp luật, quá trình giải quyết, anh H1 cũng có quan điểm nhất trí ly hôn với chị H. Do hai bên đương sự đều thỏa thuận tự nguyện ly hôn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

- *Về quan hệ con chung*: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có 01 con chung là Nguyễn Hải V, sinh ngày 20/3/2020. Sau khi ly hôn, cả chị H, anh H1 đều có nguyện vọng được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng cho con. Căn cứ vào quy định của pháp luật, lời khai của chị H, lời khai của bà Phạm Thị H2 (là mẹ đẻ của chị H) đều xác định chị H đang làm thời vụ cho người nước ngoài lương tháng 15 triệu và được bố mẹ đẻ chị H hỗ trợ chỗ ở cũng như hỗ trợ chị H đưa đón cháu V đi học trong thời gian chị H đi làm và cùng chị H chăm sóc cháu V với điều kiện tốt nhất. Anh H1 hiện đang chấp hành án phạt tù nên không thể trực tiếp nuôi con chung. Mặt khác, con chung là Nguyễn Hải V là con gái đang do chị H nuôi dưỡng nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên HĐXX giao con chung là Nguyễn Hải V, sinh ngày 20/3/2020 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng cho con.

- *Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức*: Do các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Phạm Thị H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H1.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hải V, sinh ngày 20/3/2020 cho đến khi đủ 18 tuổi (thành niên); Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị H về việc không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/24/0001603, ngày 25 tháng 4 năm 2025.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Văn H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND thị trấn N, huyện N;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Quý Long